

PHỤ LỤC – DANH MỤC THIẾT BỊ MỜI BÁO GIÁ
Kèm theo công văn số : BV/BMT ngày 10 tháng 6 năm 2025

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
1	Hệ thống máy nội soi tiêu hóa (dạ dày)	1.Yêu cầu chung: - Máy mới 100% - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE 2.Yêu cầu đặc tính, thông số kỹ thuật 2.1. Bộ xử lý hình ảnh, nguồn sáng - Bộ xử lý hình ảnh nội soi cung cấp chất lượng hình ảnh HDTV - Khuếch đại ánh sáng tự động : Hình ảnh được khuếch đại điện tử khi ánh sáng không đủ do ống soi ở cách xa vật quan sát - Độ tương phản: có tối thiểu 3 mức - Có chế độ hình ảnh quan sát đặc biệt hỗ trợ chẩn đoán ung thư sớm - Việc tăng cường cấu trúc hình ảnh hay tăng cường độ góc cạnh của hình ảnh có thể được lựa chọn theo cài đặt của người sử dụng. - Tăng cường cấu trúc: Tăng cường độ tương phản các mẫu nhỏ trong hình ảnh - Tăng cường góc cạnh: Tăng cường các góc cạnh của hình ảnh nội soi. - Chức năng dừng hình để quan sát tổn thương - Có thể hiển thị các thông tin của bệnh nhân, trạng thái lưu trữ thông tin, thông tin của hình ảnh. 2.2 Ống nội soi dạ dày - Có chế độ hình ảnh quan sát đặc biệt hỗ trợ chẩn đoán ung thư sớm - Trường nhìn: $\geq 140^\circ$ - Hướng quan sát: nhìn thẳng. - Độ sâu trường nhìn: + Độ sâu của trường nhìn thường: từ $\leq 2 - \geq 100$mm. - Đường kính ngoài của đầu ống soi: $\leq 9,9$ mm. - Đường kính ngoài của thân ống soi $\leq 9,9$ mm. - Kênh dụng cụ: + Đường kính trong kênh dụng cụ: $\geq 2,8$ mm. - Phần uốn cong:	Hệ thống	1

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
		+ Lên: ≥ 210 độ + Xuống: ≥ 90 độ + Phải: ≥ 100 độ + Trái: ≥ 100 độ - Độ dài làm việc: $\geq 1.100\text{mm}$. - Độ dài tổng: $\geq 1.400\text{mm}$. 2.3.Màn hình - Màn hình tinh thể lỏng: ≥ 27 inch. - Độ phân giải: $\geq 1.920 \times 1.080$ pixels. - Có ≥ 03 loại tín hiệu ra: Phức hợp, Y/C, RGB. - Tỷ lệ chia màn hình tối thiểu: $\geq 16:9$. - Tín hiệu đầu vào ra tương thích với Composite, DVI-D, SDI - Màu: $\geq 16,700,000$ màu. 2.4.Máy hút dịch - Lưu lượng hút: ≥ 40 lít/phút. - Số lượng bình: ≥ 02 bình. - Áp lực hút tối đa: ≥ 675 mmHg. - Loại bơm không dầu hoặc tương đương. 2.5.Dụng cụ kiểm tra rò rỉ đầu ống soi Tương thích với các ống soi trên, dùng để kiểm tra rò rỉ 2.6.Xe đẩy chuyên dụng - Có tay treo ống soi. - Có đệm cao su giữ ống soi hoặc tương đương. - Có cao su kết nối khác hoặc tương đương. - Có 4 bánh, có khóa. 2.7.Bộ máy tính, máy in màu - Chip máy tính: $\geq$ core i5 thế hệ ≥ 10 - Ổ cứng máy tính: $\geq 500\text{GB}$. - RAM máy tính: $\geq 4\text{GB}$. - Máy tính có ổ ghi DVD hoặc tương đương. - Màn hình máy tính: ≥ 21 inch. + Máy in màu: loại in phun, cỡ giấy $\geq \text{A4}$.		

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
2	Máy xét nghiệm huyết học	-Bộ máy xét nghiệm huyết học, phụ kiện kèm theo. -Bộ hoá chất lắp đặt tiêu chuẩn. -Tài liệu hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo trì bằng tiếng việt và tiếng anh đi kèm. -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Sản xuất từ 2024 trở về sau. -Công suất: ≥ 60 mẫu/ giờ. -Loại mẫu: Máu toàn phần, máu mao mạch, máu pha loãng trước. -Thể tích mẫu : $\leq 20 \mu\text{l}$ -Phương pháp đo: Phân tán tia laser: Phân loại và đếm bạch cầu (WBC) -Thông số đo: ≥ 26 thông số, tối thiểu(WBC,RBC,HGB, MCV,MCH,MCH-C, RDW-CW, RDW-SD, HCT,PLT,MPV,PDW,PCT,P-LCR, BASO #,BASO %,NEUT #,NEUT %, EO #,EO %, LYMPH #,LYMPH %, EO #, EO %, LYMPH #, LYMPH %, MONO #, MONO %, IG #, IG %) -Chế độ phân tích: CBC/CBC+ DIFF hoặc tương đương -Phân tích kết quả: ≥ 4 biểu đồ (Biểu đồ phân tán 2D, biểu đồ cột) -Giao diện: Hỗ trợ LIS hai chiều. -Máy tính: Màn hình ≥ 21inch. CPU Core I5 trở lên, Ram $\geq 8\text{Gb}$, Bộ nhớ $\geq 500\text{Gb}$ -Máy in: Khổ giấy A4, A5	Bộ	1
3	Máy theo dõi Bệnh nhân	- Bộ máy theo dõi bệnh nhân Monitor 5 thông số, phụ kiện kèm theo (dây điện cực ECG, dây đo NIBP, cảm biến SPO2, và đầu dò nhiệt độ). - Hướng dẫn sử dụng đi kèm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13486, sản xuất năm 2024 trở về sau. - Thông số đo được : • ECG: đo và giám sát các hoạt động của tim, phân tích các rối loạn nhịp tim, phát hiện các vấn đề như loạn nhịp, ST-T thay đổi. Đạo trình : 3,5, hoặc 12 đạo trình. • SPO2 (Độ bão hoà Oxy trong máu): đo mức bão hoà oxy trong máu, phát hiện sớm các dấu hiệu giảm oxy trong máu. Phạm vi đo: 0 - 100 %. • NIBP (Huyết áp không xâm lấn): đo huyết áp tự động không xâm lấn, phạm vi đo 10 – 270 mmHg. • Nhịp thở: đo tốc độ hô hấp của bệnh nhân, phát hiện sớm các dấu hiệu suy hô hấp của bệnh nhân, phát hiện sớm các dấu hiệu suy hô hấp hoặc ngưng thở. • Nhiệt độ : đo nhiệt độ cơ thể, giám sát tình trạng sốt hoặc hạ nhiệt. - Màn hình LCD màu, độ phân giải cao, có thể hiển thị dạng sóng, giá trị số, và xu hướng.	Bộ	02

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
		- Lưu trữ: lưu trữ dữ liệu đo được, cho phép xem lại lịch sử các thông số. Thời gian lưu trữ có thể vài giờ đến nhiều ngày. - Nguồn điện: sử dụng nguồn điện AC/DC. Pin tích hợp có thể sạc lại.		
4	Máy giặt công nghiệp	1.Yêu cầu chung -Năm sản xuất: Từ 2024 trở về sau, thiết bị mới 100% -Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; 14001; CE hoặc tương đương -Xuất xứ: Thuộc các nhóm nước Châu Âu -Điện áp: 380-415V/50 Hz ±10% -Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa 41 °C Độ ẩm tối đa 90% Áp suất: 2-4 bar 2.Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật Thông số kỹ thuật: - Đường kính lồng: ≥ 1045 mm - Chiều sâu lồng: ≥ 680 mm - Dung tích lồng: ≥ 600 Lít - Tốc độ giặt: ≥ 42 vòng/phút - Tốc độ vắt: ≥ 500 vòng/phút - Lực vắt ly tâm: ≥ 140 G - Độ ồn: < 70 dB - Đường cấp nước: ≥ 3/4" - Đường thoát nước: ≥ 3" - Công suất động cơ: ≥ 5.5 kW - Công suất gia nhiệt điện: ≤ 36 kW - Tổng công suất điện: ≤ 38 kW Kích thước máy: - Rộng: 1230 mm ±10% - Sâu: 1280 mm ±10% - Cao: 1640 mm - Trọng lượng: 950 Kg ±10% Tính năng kỹ thuật:	Cái	1

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
		- Lồng làm bằng inox AISI 304 hoặc tốt hơn - Hộp cấp hóa chất với ≥ 5 ngăn - Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 7 inch, hiển thị các giai đoạn của chương trình giặt, thời gian còn lại... - Vi xử lý có các chương trình cài đặt sẵn, không giới hạn số lượng chương trình có thể cài đặt - Có cổng kết nối xuất nhập chương trình, cập nhật phần mềm - Đa ngôn ngữ - 8 tín hiệu cấp hóa chất từ bên ngoài - Vận hành bằng biến tần - Có ≥ 3 đường cấp nước - Có thể trích xuất dữ liệu giặt: nhiệt độ, mức nước - Có thể tạo, xuất, nhập chương trình và cập nhật phần mềm qua USB - Hiển thị lỗi trên màn hình - Có thể phát hiện sự mất cân bằng của máy ở giai đoạn đầu của chương trình giặt		
5	Máy sấy Công nghiệp	1.Yêu cầu chung -Năm sản xuất: Từ 2024 trở về sau, thiết bị mới 100% -Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; 14001; CE hoặc tương đương -Xuất xứ: Thuộc các nhóm nước Châu Âu -Điện áp: 400V/50 Hz $\pm 10\%$ 2.Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật Thông số kỹ thuật: - Đường kính lồng: ≥ 1220 mm - Chiều sâu lồng: ≥ 1020 mm - Dung tích lồng: ≥ 1200 Lít - Công suất động cơ: ≥ 2.2 kW - Công suất quạt thổi: ≥ 1.1 kW - Công suất gia nhiệt điện: ≥ 72 kW - Tổng công suất: ≤ 74.25 kW Kích thước máy: - Rộng: 1270 mm $\pm 10\%$ - Sâu: 1350 mm $\pm 10\%$ - Cao: 2350 mm $\pm 10\%$ - Trọng lượng: 530 Kg $\pm 10\%$ - Đường kính thoát hơi: ≥ 300mm	Cái	1

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
		- Lưu lượng thoát hơi: $\geq 3000\text{m}^3/\text{giờ}$ - Độ ồn: 67 dB Tính năng kỹ thuật: - Lòng sấy bằng thép không gỉ hoặc tương đương - Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 7 inch - Hiển thị các thông số của chương trình sấy: Tổng thời gian, nhiệt độ, thời gian còn lại... - Vi xử lý cho phép tạo, xuất, nhập chương trình qua USB - Có cổng kết nối USB - Đa ngôn ngữ - Lòng đảo chiều tự động - Có lưới lọc lông tơ lớn, ở phía dưới - Có âm báo cuối chương trình sấy - Có làm mát cuối chu trình giúp giảm nhăn vải - Có nút dừng khẩn cấp - Hiển thị lỗi trên màn hình - Vận hành bằng biến tần giúp máy vận hành mượt mà		
	Tổng cộng 5 mặt hàng			